



**PHỤ LỤC**  
**ATTACHMENT**

*(Kèm theo quyết định số: 5388/QĐ-VACI ngày 03 tháng 8 năm 2023  
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)*

Phòng thí nghiệm: **Trung tâm Thử nghiệm Kiểm định Phúc Gia**  
*Laboratory* *Phuc Gia Inspection Testing Center*

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG THỬ NGHIỆM PHÚC GIA**  
*Holding organization:* *PHUC GIA LABORATORY CORPORATION*

Lĩnh vực: **Điện – Điện tử**  
*Field of testing:* *Electrical – Electronic*

Người phụ trách/ *Representative:* **Nguyễn Văn Nam**  
Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên/Full name</b>	<b>Phạm vi được ký/Scope</b>
<b>1.</b>	<b>Lê Tuấn Hiếu</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>2.</b>	<b>Mai Thị Vân</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>3.</b>	<b>Nguyễn Văn Nam</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>4.</b>	<b>Lê Mạnh Tiến</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>5.</b>	<b>Phạm Huyền Trang</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>6.</b>	<b>Nguyễn Thái Bình</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
<b>7.</b>	<b>Nguyễn Văn Biển</b>	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 009**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **16/ 8/ 2027**

Địa chỉ văn phòng/*Headquarters:*

**Tòa nhà Hoa Cương, số 18, ngõ 11 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam**

*Hoa Cuong Building, No.18, Lane 11, Thai Ha Street, Trung Liet Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*



**PHỤ LỤC**  
**ATTACHMENT**

*(Kèm theo quyết định số: 5388/QĐ-VACI ngày 03 tháng 8 năm 2023  
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)*

---

Địa chỉ phòng thí nghiệm/*Lab Location*: :

**Cảng cạn ICD Long Biên, Số 1 Huỳnh Tấn Phát, KCN Sài Đồng B, phường Thạch Bàn, quận  
Long Biên, Hà Nội, Việt Nam**

*Long Bien Inland Container Depot, No.1, Huynh Tan Phat Road, Sai Dong B Industrial Park,  
Thach Ban Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam*

Số điện thoại/*Phone*: **0982.068.387**

Email: **lab@phucgia.com.vn**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử**

*Field of testing: Electrical – Electronic*

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	<b>Pin Lithium cho thiết bị cầm tay</b> <i>Lithium batteries for portable devices</i>	Nạp liên tục tại điện áp không đổi (Tế bào) <i>Continuous charge at constant voltage (Cells)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 6) A (0 ÷ 10) V	QCVN 101:2020/BTTTT
2.		Vỏ trong điều kiện sử dụng tại môi trường nhiệt độ cao (Pin) <i>Battery cells at high ambient temperature (Battery)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 36) A (0 ÷ 30) V	
3.		Ngắn mạch ngoài (Tế bào) <i>External short circuit (Cells)</i>	(-40 ÷ 150) °C 1 mΩ ÷ 100 Ω (0 ÷ 6) A (0 ÷ 10) V	
4.		Ngắn mạch ngoài (Pin) <i>External short circuit (Battery)</i>	(-40 ÷ 150) °C 1 mΩ ÷ 100 Ω (0 ÷ 36) A (0 ÷ 30) V	
5.		Rơi tự do (Tế bào/ Pin) <i>Free fall drop (Cells/ Battery)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 1.5) m (0 ÷ 36) A (0 ÷ 30) V	
6.		Quá nhiệt (Tế bào) <i>Thermal abuse (Cells)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 6) A (0 ÷ 10) V	
7.		Ép (Tế bào) <i>Crush (Cells)</i>	(0 ÷ 200) mm (0 ÷ 15) kN (-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 6) A (0 ÷ 10) V	

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
8.	Pin Lithium cho thiết bị cầm tay <i>Lithium batteries for portable devices</i>	Nạp quá tải (Pin) <i>Overcharging (Battery)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 36) A (0 ÷ 30) V	QCVN 101:2020/BTTTT
9.		Phóng cưỡng bức (Tế bào) <i>Forced discharge (Cells)</i>	(-40 ÷ 150) °C (0 ÷ 6) A (0 ÷ 10) V	

**Lĩnh vực mở rộng/ Extension Scope:**

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
10.	Pin Lithium cho thiết bị cầm tay <i>Lithium batteries for portable devices</i>	Kiểm tra điện cực <i>The electrode checking</i>	Định tính <i>Qualitative</i>	QCVN 101:2020/BTTTT
11.		Kiểm tra cảm quan <i>Sensorially checking</i>	Định tính <i>Qualitative</i>	
12.		Kiểm tra ký hiệu và nhãn mác <i>Symbols and labels checking</i>	Định tính <i>Qualitative</i>	
13.		Đo điện trở trong (Pin) <i>Measurement of internal resistance</i>	Điện áp/ <i>Voltage</i> : 60 V Điện trở trong/ <i>Internal resistance</i> : 3 kΩ	
14.		Phóng tĩnh điện – ESD (Pin) <i>Electrostatic discharge</i>	Phóng không khí/ <i>Air discharge</i> : 16 kV Phóng tiếp xúc/ <i>Contact discharge</i> : 16 kV	

**Ghi chú / Note:**

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam Standards*;
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam / *Vietnam National Technical Regulations*.